TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1**.** Bà Nguyễn Thị Phương

2. Bà Nguyễn Thị Hưng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1989; Nơi ĐKHKTT: thôn L, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Hiện đang tạm trú tại: thôn 5, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn X, sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Tạ Văn X ngày 24 tháng 01 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô. Tổ chức cưới xong chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh X ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh X không chịu khó làm ăn, cũng không có trách nhiệm với vợ con. Sau khi chị sinh con anh X vẫn

không thay đổi, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và hai mẹ con chị về nhà mẹ đẻ tại xã Ng. Chị xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2014. Trong thời gian sống ly thân hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được và vợ chồng không quan tâm cũng như thăm hỏi đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tạ Thị Thùy L, sinh ngày 08/8/2013, hiện nay con đang ở cùng chị. Chị xác nhận từ khi vợ chồng sống ly thân anh X cũng không quan tâm và không có trách nhiệm với cháu L. Hiện nay chị đang làm buôn bán tự do thu nhập hàng tháng là khoảng từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị T không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Văn X đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh X không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Anh X không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung của chị T. Tại phiên tòa hôm nay anh X vắng mặt mặc dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị L và ông Tạ Văn Th (bố mẹ đẻ anh X), tiến hành xác minh tại UBND xã T, tiến hành làm việc với trưởng thôn L đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị T X là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu, anh X đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T đề nghị giải quyết ly hôn với anh Tạ Văn Xuân.

Về nuôi con chung: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Tạ Văn X đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh X không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Tạ Văn X vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh X vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Tạ Văn X kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình vợ chồng chung sống theo chị T không được hạnh phúc do trong thời gian vợ chồng chung sống anh X không chịu khó làm ăn kinh tế, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2014. Do vậy chị xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng anh X và đề nghị giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị L và ông Tạ Văn Th (bố mẹ đẻ anh X) thể hiện vợ chồng anh chị T X có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ lâu. Hiện nay anh X đi làm ăn thỉnh thoảng vẫn về nhà. Bà L là người nhận thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản, các giấy triệu tập của Tòa án và bà đã cam kết thông báo cho anh X được biết về nội dung các văn bản bà đã nhận. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã T thể hiện anh X đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương, quá trình vợ chồng anh X và chị T chung sống có mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2014. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Tvà anh X đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh X là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh X vắng mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh X cố tình gây khó khăn cho chị T và không có mong muốn để vợ chồng về

đoàn tụ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T được ly hôn anh Tạ Văn X.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh X có một con chung là Tạ Thị Thùy L, sinh ngày 08/8/2013. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con của chị T thấy rằng hiện nay chị T đang làm buôn bán tự do có thu nhập khoảng 5.000.000 đ đến 7.000.000 đ, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con đang ở cùng chị T từ khi vợ chồng sống ly thân. Để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chấp nhận sự tự nguyện của chị về việc không yêu cầu anh Xuân phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Tạ Văn X.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Chị Ngô Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con là Tạ Thị Thùy L, sinh ngày 08/8/2013, hiện nay con đang ở cùng chị T. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0001498 ngày 18/4/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng